



KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC QUẬN 1, NĂM HỌC 2017 - 2018

(Đính kèm Thông báo số: 16.29/TB-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Quận 1)

Số TT	Mã số	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Hệ đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Điểm học tập (Hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp (Hệ số 1)	Điểm sát hạch (Hệ số 2)	Tổng cộng = (1)+(2)+(3)	Xếp hạng	Kết quả trúng tuyển	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển		
																	Vị trí đăng ký dự tuyển	Bậc học	Đơn vị đăng ký
1	Q01_120	Nguyễn Ngọc Ngân	11/04/1980	Nữ	ĐH Huế	Sư phạm Hóa học	Từ xa	B	A		72,10	75,00	98	245,1	1	Không đạt	GV dạy Hóa học	BDGD	BD Giáo dục
2	Q01_147	Lê Ngọc Văn Đan	01/08/1996	Nữ	CĐSG	Sư phạm Hóa học	C Quy	B	A		71,60	71,60	96	239,2	2	Không đạt	GV dạy Hóa học	BDGD	BD Giáo dục
3	Q01_01	Ngô Thị Thủy Dương	22/06/1980	Nữ	Thạc sĩ	Hóa Hữu cơ	CQ KTT	B	B		78,00	93,00	0	171	Vắng	Không đạt	GV dạy Hóa học	BDGD	BD Giáo dục
4	Q01_138	Phạm Tuấn Sơn	27/07/1984		ĐH KHTN	Vật lý hạt nhân	C Quy	B	TTCB	NVSP	78,80	77,50	98	254,3	1	Không đạt	GV dạy Vật lý	BDGD	BD Giáo dục
5	Q01_161	Nguyễn Thị Thủy Trang	04/02/1991	Nữ	ĐHSP	Giáo dục Mầm non	C Quy	B	A		75,80	90,00	171	336,8	1	Đạt	GV dạy Mầm non	MN	20/10
6	Q01_123	Mai Ngọc Doan Trang	08/07/1995	Nữ	CĐSG	Giáo dục Mầm non	VLVH	A1	B		72,90	72,90	165	310,8	2	Đạt	GV dạy Mầm non	MN	20/10
7	Q01_88	Hà Thị Thúy Hằng	27/05/1986	Nữ	ĐHSG	Giáo dục Mầm non	VLVH	B	B		72,20	70,00	136	278,2	1	Đạt	GV dạy Mầm non	MN	30/4
8	Q01_203	Bùi Thị Ngọc Duyên	29/07/1997	Nữ	TCSP TW	Sư phạm Mầm non	C Quy	B	TTCB		75,90	78,00	172	325,9	1	Đạt	GV dạy Mầm non	MN	Bé Ngoan
9	Q01_41	Trương Thị Hiền	13/09/1978	Nữ	ĐHSP	Giáo dục Mầm non	VLVH	B	A		74,50	80,00	176	330,5	1	Đạt	GV dạy Mầm non	MN	Bến Thành
10	Q01_40	Nguyễn Thị Ngọc Thiệt	21/03/1997	Nữ	CKTNV NSC	Sư phạm Mầm non	C Quy	B	A		82,00	85,00	144	311	2	Đạt	GV dạy Mầm non	MN	Bến Thành
11	Q01_121	Đoàn Thủy Trang	06/09/1984	Nữ	ĐHSP	Giáo dục Mầm non	VLVH	B	B		65,10	75,00	149	289,1	3	Đạt	GV dạy Mầm non	MN	Bến Thành
12	Q01_118	Lục Thị Thắm	04/12/1993	Nữ	CĐSP TW	Giáo dục Đặc biệt	C Quy	B1	B		71,20	73,33	171	315,53	1	Đạt	GV dạy khuyết tật	MN	CB Tương lai
13	Q01_122	Phan Thị Hồng Phượng	29/04/1968	Nữ	ĐHSP	Giáo dục Đặc biệt	VLVH	B	B		66,70	60,00	173	299,7	2	Đạt	GV dạy khuyết tật	MN	CB Tương lai
14	Q01_37	Đinh Thị Dạ Lý	12/05/1964	Nữ	CĐSG	Giáo dục Mầm non	VLVH	B	B		81,00	80,00	166	327	1	Đạt	GV dạy Mầm non	MN	Cô Giang
15	Q01_72	Đào Thị Minh Nghĩa	02/12/1990	Nữ	TC Miền Đông	Sư phạm Mầm non	C Quy	A	A		83,00	83,00	146	312	2	Đạt	GV dạy Mầm non	MN	Cô Giang
16	Q01_25	Nguyễn Thùy Dương	21/05/1994	Nữ	ĐHSP	Giáo dục Mầm non	C Quy	B	A		74,50	74,50	160	309	3	Đạt	GV dạy Mầm non	MN	Cô Giang
17	Q01_74	Võ Thị Hồng Sương	15/05/1992	Nữ	TC SG	Giáo dục Mầm non	VLVH	B	B		72,10	60,00	164	296,1	4	Đạt	GV dạy Mầm non	MN	Cô Giang
18	Q01_143	Nguyễn Thị Hồng Mai	11/02/1996	Nữ	TC ĐD	Sư phạm Mầm non	C Quy	B	A		80,00	80,00	148	308	1	Đạt	GV dạy Mầm non	MN	Hoa Lan
19	Q01_156	Võ Thị Doan Trang	27/07/1983	Nữ	ĐHSP	Giáo dục Mầm non	VLVH	A	B		68,70	70,00	102	240,7	2	Đạt	GV dạy Mầm non	MN	Hoa Lan
20	Q01_81	Hồ Trịnh Ngọc Kim	17/03/1996	Nữ	TCSP TW	Sư phạm Mầm non	C Quy	B	A		77,60	75,00	156	308,6	1	Đạt	GV dạy Mầm non	MN	Hoa Quỳnh
21	Q01_125	Nguyễn Cẩm Tiên	11/03/1993	Nữ	TC THĐNA	Sư phạm Mầm non	C Quy	C	A		85,00	75,00	146	306	2	Đạt	GV dạy Mầm non	MN	Hoa Quỳnh
22	Q01_11	Đoàn Lê Ngọc Vân	15/01/1986	Nữ	ĐHSP	Giáo dục Mầm non	VLVH	B	B		65,00	75,00	152	292	3	Đạt	GV dạy Mầm non	MN	Hoa Quỳnh
23	Q01_116	Lưu Thanh Hằng	08/09/1987	Nữ	ĐHSG	Giáo dục Mầm non	C Quy	B	A		74,20	74,20	156	304,4	1	Đạt	GV dạy Mầm non	MN	Nguyễn Cư Trinh
24	Q01_68	Nguyễn Thị Kim Ánh	02/10/1991	Nữ	CĐSG	Giáo dục Mầm non	VLVH	B	B		70,90	70,90	100	241,8	2	Đạt	GV dạy Mầm non	MN	Nguyễn Cư Trinh
25	Q01_110	Hồ Hoàng Thanh Thủy	16/10/1987	Nữ	CĐSG	Giáo dục Mầm non	VLVH	B	B		81,60	81,60	178	341,2	1	Đạt	GV dạy Mầm non	MN	Nguyễn Thái Bình
26	Q01_119	Huỳnh Thị Mộng Thu	02/08/1991	Nữ	TC Th. Nguyễn	Sư phạm Mầm non	C Quy	B	B		79,00	78,00	171	328	2	Đạt	GV dạy Mầm non	MN	Nguyễn Thái Bình
27	Q01_167	Vũ Thị Ngọc Ánh	12/09/1997	Nữ	TCSP Th. Bình	Sư phạm Mầm non	C Quy	B	B		76,00	85,00	138	299	1	Đạt	GV dạy Mầm non	MN	Phạm Ngũ Lão

Số TT	Mã số	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Hệ đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Điểm học tập (Hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp (Hệ số 1)	Điểm sát hạch (Hệ số 2)	Tổng cộng = (1)+(2)+(3)	Xếp hạng	Kết quả trúng tuyển	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển		
																	Vị trí đăng ký dự tuyển	Bậc học	Đơn vị đăng ký
28	Q01_148	Nguyễn Thị Ly Lan	13/01/1985	Nữ	ĐHSG	Giáo dục Mầm non	VLVH	B	A		81,40	81,40	178	340,8	1	Đạt	GV dạy Mầm non	MN	Tân Định
29	Q01_28	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	21/01/1992	Nữ	ĐHSP	Giáo dục Mầm non	VLVH	B	A		72,30	70,00	180	322,3	2	Đạt	GV dạy Mầm non	MN	Tân Định
30	Q01_57	Tiểu Thị Thùy Lynh	09/05/1990	Nữ	CĐSG	Giáo dục Mầm non	VLVH	B	TTCB		67,50	67,50	152	287	3	Đạt	GV dạy Mầm non	MN	Tân Định
31	Q01_05	Lê Thị Hiền	20/04/1990	Nữ	TC KTKT HN	Hành chính Văn thư	C Quy	B	A		80,00	80,00	110	270	1	Đạt	Nhân viên Văn thư	MN	Tân Định
32	Q01_95	Phạm Thị Thanh Thảo	08/05/1996	Nữ	CĐSP TW	Giáo dục Mầm non	C Quy	B	TTCB		71,10	71,10	190	332,2	1	Đạt	GV dạy Mầm non	MN	Tuổi Hồng
33	Q01_89	Trương Thị Ngọc Dung	29/03/1992	Nữ	TC KTKT NSC	Sư phạm Mầm non	C Quy	B	A		77,00	82,00	134	293	2	Đạt	GV dạy Mầm non	MN	Tuổi Hồng
34	Q01_162	Ngô Thị Ánh Tuyết	07/04/1978	Nữ	ĐHSP HN	Giáo dục Mầm non	Tại chức	B	B		65,80	65,00	156	286,8	3	Đạt	GV dạy Mầm non	MN	Tuổi Hồng
35	Q01_24	Trương Thị Đẹp	26/06/1994	Nữ	ĐHSP	Giáo dục Mầm non	C Quy	B	TTCB		74,20	74,20	176	324,4	1	Đạt	GV dạy Mầm non	MN	Tuổi Thơ
36	Q01_82	Hoàng Thị Thùy	23/02/1993	Nữ	ĐHSG	Giáo dục Mầm non	C Quy	B	A		75,10	75,10	174	324,2	2	Đạt	GV dạy Mầm non	MN	Tuổi Thơ
37	Q01_128	Hoàng Thị Thu Thủy	08/12/1990	Nữ	TC KTKT BD	HT K toán - KT Tin học	C Quy	A	A		84,00	98,00	96	278	1	Không đạt	Nhân viên Thủ quỹ	MN	Tuổi Thơ
38	Q01_183	Nguyễn Thị Thu Thảo	01/06/1992	Nữ	CĐSG	Giáo dục Tiểu học	VLVH	A2, B	TTCB		80,30	80,30	156	316,6	1	Đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Chương Dương
39	Q01_45	Nguyễn Ngọc Trân	26/08/1980	Nữ	ĐHSP	Giáo dục Tiểu học	VLVH	B	B		63,00	55,00	116	234	2	Không đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Chương Dương
40	Q01_131	Võ Thị Thu Hồng	10/11/1980	Nữ	ĐH Huế	Giáo dục Tiểu học	C tu	B	A		71,80	68,30	176	316,1	1	Đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Đình Tiên Hoàng
41	Q01_153	Nguyễn Thị Đan Thùy	12/05/1993	Nữ	ĐHSG	Giáo dục Tiểu học	C Quy	B	A		74,80	74,80	162	311,6	2	Đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Đình Tiên Hoàng
42	Q01_174	Nguyễn Hoàng Ngân Giang	12/07/1995	Nữ	ĐHSG	Giáo dục Tiểu học	C Quy	B	A		79,30	79,30	140	298,6	3	Không đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Đình Tiên Hoàng
43	Q01_124	Phan Phạm Tường Vy	11/01/1994	Nữ	ĐHSG	Giáo dục Tiểu học	C Quy	B	A		76,30	76,30	112	264,6	4	Không đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Đình Tiên Hoàng
44	Q01_42	Phạm Ngọc Thanh Trúc	14/04/1995	Nữ	ĐHSP	Giáo dục Tiểu học	C Quy	A2	A		74,10	74,10	102	250,2	5	Không đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Đình Tiên Hoàng
45	Q01_109	Nguyễn Thị Ngọc Anh	18/09/1995	Nữ	CĐSG	Sư phạm Tiếng Anh	C Quy	T.Trung B	A		78,10	78,10	130	286,2	1	Đạt	GV dạy tiếng Anh	TH	Đình Tiên Hoàng
46	Q01_04	Trương Lê Phước Lộc	05/08/1992		CĐ Viễn Đông	Công nghệ tin học	C Quy	A		NVSP	61,00	61,00	136	258	1	Đạt	GV dạy Tin học	TH	Đình Tiên Hoàng
47	Q01_79	Trương Ngọc Khánh Vy	28/12/1995	Nữ	ĐHSG	Giáo dục Tiểu học	C Quy	B	A		83,30	83,30	174	340,6	1	Đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Đuốc Sổng
48	Q01_80	Trần Thị Kim Tiên	25/01/1995	Nữ	ĐHSG	Giáo dục Tiểu học	C Quy	B	A		77,90	77,90	172	327,8	2	Đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Đuốc Sổng
49	Q01_90	Phạm Thị Hương	18/02/1995	Nữ	ĐHSP	Giáo dục Tiểu học	C Quy	B	TTCB		69,60	69,60	124	263,2	3	Đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Đuốc Sổng
50	Q01_151	Nguyễn Hồng Phước	17/12/1981	Nữ	ĐH Huế	Giáo dục Tiểu học	Ch tu	B	A		67,80	58,30	112	238,1	4	Không đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Đuốc Sổng
51	Q01_190	Phạm Như Quỳnh	19/11/1994	Nữ	ĐHSP	Giáo dục Tiểu học	C Quy	B	TTCB		73,00	73,00	92	238	5	Không đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Đuốc Sổng
52	Q01_94	Nguyễn Thị Thu Trang	18/03/1992	Nữ	CĐ KTCN BK	Kế toán	C Quy	B	B		73,00	75,00	130	278	1	Đạt	Nhân viên Thủ quỹ	TH	Đuốc Sổng
53	Q01_31	Nguyễn Thị Loan	25/06/1992	Nữ	CĐ Công nghệ	Kế toán - Kiểm toán	C Quy	B	A		63,00	63,00	90	216	2	Không đạt	Nhân viên Thủ quỹ	TH	Đuốc Sổng
54	Q01_02	Nguyễn Kim Hằng	30/04/1987	Nữ	TC GTVT	Kế toán GT vận tải	C Quy	A	B		69,00	72,00	0	141	Vắng	Không đạt	Nhân viên Thủ quỹ	TH	Đuốc Sổng
55	Q01_179	Nguyễn Thị Thanh Trà	15/02/1993	Nữ	ĐH Quy Nhơn	Sư phạm Tiếng Anh	C Quy	T.Trung B	B		66,40	66,40	126	258,8	1	Đạt	GV dạy tiếng Anh	TH	Kết Đoàn
56	Q01_54	Bùi Thị Song Vy	22/10/1995	Nữ	ĐHSP	Giáo dục Tiểu học	C Quy	A2	A		75,20	75,20	158	308,4	1	Đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Khai Minh
57	Q01_146	Trương Thiên Khanh	27/05/1994	Nữ	ĐHSP	Giáo dục Tiểu học	C Quy	B	A		72,90	72,90	154	299,8	2	Đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Khai Minh
58	Q01_159	Phạm Thị Minh Thư	07/07/1989	Nữ	ĐHSP	Giáo dục Tiểu học	C Quy	B	B		69,00	69,00	138	276	3	Không đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Khai Minh
59	Q01_48	Nguyễn Hữu Nhân	12/06/1988		ĐHSG	Sư phạm Âm nhạc	C Quy	B	A		81,60	81,60	176	339,2	1	Đạt	GV dạy Âm nhạc	TH	Lê Ngọc Hân
60	Q01_47	Lê Thị Linh Tâm	10/11/1995	Nữ	ĐHSG	Giáo dục Tiểu học	C Quy	B	A		78,30	78,30	180	336,6	1	Đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Lê Ngọc Hân

Số TT	Mã số	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Hệ đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Điểm học tập (Hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp (Hệ số 1)	Điểm sát hạch (Hệ số 2)	Tổng cộng = (1)+(2)+(3)	Xếp hạng	Kết quả trúng tuyển	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển		
																	Vị trí đăng ký dự tuyển	Bậc học	Đơn vị đăng ký
61	Q01_104	Trịnh Thị Tha	16/07/1981	Nữ	ĐHSP	Giáo dục Tiểu học	C Quy	B	TTCB		75,70	90,00	170	335,7	2	Đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Lê Ngọc Hân
62	Q01_195	Nguyễn Văn Nhi	20/07/1994	Nữ	ĐHSG	Giáo dục Tiểu học	C Quy	B	A		77,70	77,70	176	331,4	3	Đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Lê Ngọc Hân
63	Q01_32	Tạ Thúy Ngân	09/06/1995	Nữ	ĐHSG	Giáo dục Tiểu học	VLVH	B	A		76,4	76,5	178,00	330,9	4	Đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Lê Ngọc Hân
64	Q01_33	Ngô Hoàng Thanh Thư	30/06/1995	Nữ	ĐHSP	Giáo dục Tiểu học	C Quy	A2	TTCB		79,70	79,70	158	317,4	5	Đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Lê Ngọc Hân
65	Q01_12	Châu Thị Ngọc Hân	29/05/1982	Nữ	ĐH Huế	Giáo dục Tiểu học	Từ xa	A2	B		67,20	62,50	172	301,7	6	Đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Lê Ngọc Hân
66	Q01_53	Trần Phạm Thúy Quỳnh	21/01/1994	Nữ	ĐHSP	Giáo dục Tiểu học	C Quy	B2	B		77,30	77,30	140	294,6	7	Đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Lê Ngọc Hân
67	Q01_52	Huỳnh Khánh Duy	16/04/1995		ĐHSG	Giáo dục Tiểu học	C Quy	B	A		74,30	74,30	140	288,6	8	Không đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Lê Ngọc Hân
68	Q01_136	Đào Thị Ánh Nguyệt	20/12/1993	Nữ	ĐHSG	Giáo dục Tiểu học	C Quy	B	A		78,00	78,00	120	276	9	Không đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Lê Ngọc Hân
69	Q01_43	Lương Thị Mai Liên	01/01/1996	Nữ	CĐSG	Giáo dục Tiểu học	C Quy	B	A		79,80	79,80	110	269,6	10	Không đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Lê Ngọc Hân
70	Q01_71	Nguyễn Thị Ngọc	08/01/1996	Nữ	CĐ	Giáo dục Tiểu học	C Quy	Toeic 410	A		75,90	75,90	100	251,8	11	Không đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Lê Ngọc Hân
71	Q01_61	Trần Ngọc Hoàng Uyên	07/08/1980	Nữ	ĐHSP	Giáo dục Tiểu học	C Quy	C	A		71,10	65,00	110	246,1	12	Không đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Lê Ngọc Hân
72	Q01_44	Mai Thị Trang	06/07/1987	Nữ	ĐHSP	Giáo dục Tiểu học	C Quy	B	A		68,20	68,20	80	216,4	13	Không đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Lê Ngọc Hân
73	Q01_114	Trương Tuệ Mẫn	14/05/1994	Nữ	CĐSG	Giáo dục Tiểu học	VLVH	B1	A		78,40	78,40	156	312,8	1	Đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Lương Thế Vinh
74	Q01_91	Nguyễn Thị Thắm	22/07/1993	Nữ	ĐHSG	Giáo dục Tiểu học	C Quy	B	A		84,80	84,80	140	309,6	2	Đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Lương Thế Vinh
75	Q01_76	Nguyễn Thị Kim Chi	04/09/1974	Nữ	ĐH Huế	Giáo dục Tiểu học	Từ xa	B	B		64,20	68,00	156	288,2	3	Đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Lương Thế Vinh
76	Q01_27	Nguyễn Thị Mai	03/11/1989	Nữ	ĐHSP NT TW	Sư phạm Mỹ thuật	C Quy	B	B		79,60	82,50	152	314,1	1	Đạt	GV dạy Mỹ thuật	TH	Nguyễn Bình Khiêm
77	Q01_192	Trần Bích Ngọc	20/08/1991	Nữ	CĐSG	Giáo dục Tiểu học	C Quy	B	A		75,10	75,10	182	332,2	1	Đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Nguyễn Bình Khiêm
78	Q01_10	Lê Thị Giang	11/08/1996	Nữ	CĐSG	Giáo dục Tiểu học	C Quy	B	A		80,10	80,10	150	310,2	2	Đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Nguyễn Bình Khiêm
79	Q01_178	Nguyễn Thị Hà	03/02/1986	Nữ	TC Miền Đông	Sư phạm Tiểu học	C Quy	B	B	BDSP	72,00	75,00	96	243	3	Không đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Nguyễn Bình Khiêm
80	Q01_175	Nguyễn Phạm Hoàng Ánh	05/01/1988	Nữ	ĐHKHXHNV	Cử nhân tiếng Anh	C Quy	B1	B	T. Hoa B	63,90	63,90	158	285,8	1	Đạt	GV dạy tiếng Anh TC	TH	Nguyễn Bình Khiêm
81	Q01_152	Đinh Hoàng Minh Thùy	18/05/1993	Nữ	CĐSG	Giáo dục Tiểu học	C Quy	B	TTCB		68,70	68,70	138	275,4	1	Đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Nguyễn Huệ
82	Q01_21	Nguyễn Thị Cẩm Vân	24/11/1990	Nữ	CĐSG	Giáo dục Tiểu học	VLVH	B	A		70,80	70,80	152	293,6	3	Đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Nguyễn Thái Bình
83	Q01_103	Nguyễn Xuân Tuấn	25/02/1978		ĐH Huế	Giáo dục Tiểu học	Từ xa	B	B		57,80	62,50	160	280,3	4	Đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Nguyễn Thái Bình
84	Q01_59	Chu Thị Hải	02/11/1996	Nữ	CĐSP HN	Giáo dục Tiểu học	C Quy	A2	TTCB		78,60	78,60	123	280,2	5	Đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Nguyễn Thái Bình
85	Q01_92	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	24/03/1994	Nữ	ĐHSP	Giáo dục Tiểu học	C Quy	B	TTCB		70,10	70,10	140	280,2	5	Đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Nguyễn Thái Bình
86	Q01_75	Trần Thị Phương	18/05/1987	Nữ	CĐSG	Giáo dục Tiểu học	VLVH	B	TTCB		73,10	73,10	122	268,2	7	Không đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Nguyễn Thái Bình
87	Q01_87	Phan Thị Bích Tuyền	23/04/1994	Nữ	ĐHSG	Giáo dục Tiểu học	S	B	A		77,90	77,90	0	155,8	Vắng	Không đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Nguyễn Thái Bình
88	Q01_70	Dụng Hữu Thảo	17/08/1995		ĐHSPTDTT	Giáo dục Thể chất	C Quy	B	TTNC		82,50	82,50	106	271	2	Không đạt	GV dạy Thể dục	TH	Nguyễn Thái Bình
89	Q01_36	Nguyễn Thị Uyên Trinh	04/08/1969	Nữ	ĐHSG	Sư phạm Tiếng Anh	VLVH	B2	B-CB	T. Pháp B	58,50	65,00	148	271,5	1	Đạt	GV dạy Tiếng Anh	TH	Nguyễn Thái Bình
90	Q01_09	Huỳnh Thị Ngọc Khanh	12/02/1989	Nữ	HKT Công N	Mạng máy tính	C Quy	B		NVSP	84,75	84,75	110	279,5	1	Đạt	GV dạy Tin học	TH	Nguyễn Thái Bình
91	Q01_189	Nguyễn Thị Hồng Nga	05/05/1995	Nữ	ĐHSG	Giáo dục Tiểu học	C Quy	B	A		83,50	83,50	176	343	1	Đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Nguyễn Thái Bình
92	Q01_107	Phạm Thị Ngọc Thúy	14/01/1989	Nữ	CĐSG	Giáo dục Tiểu học	VLVH	B	A		78,20	78,20	170	326,4	2	Đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Nguyễn Thái Bình
93	Q01_145	Ngô Thị Hoàng Mỹ	18/04/1980	Nữ	ĐHSP	Giáo dục Tiểu học	VLVH	B	B		68,40	60,00	136	264,4	8	Không đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Nguyễn Thái Bình

Số TT	Mã số	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Hệ đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Điểm học tập (Hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp (Hệ số 1)	Điểm sát hạch (Hệ số 2)	Tổng cộng = (1)+(2)+(3)	Xếp hạng	Kết quả trúng tuyển	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển		
																	Vị trí đăng ký dự tuyển	Bậc học	Đơn vị đăng ký
94	Q01_127	Huỳnh Quan Nhứt	14/07/1985		CĐSG	Giáo dục Tiểu học	VLVH	A2	TTCB		77,80	77,80	102	257,6	9	Không đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Nguyễn Thái Bình
95	Q01_169	Nguyễn Hoàng Phương	04/04/1979		CĐSP TĐTT H	Giáo dục Thể chất	VHVL	B	B		85,70	82,50	140	308,2	1	Đạt	GV dạy Thể dục	TH	Nguyễn Thái Bình
96	Q01_115	Hứa Vũ Hoàng Linh	19/10/1985	Nữ	ĐHMT	LL&LS Mỹ Thuật	C Quy	B	A	NVSP	73,30	72,56	178	323,86	1	Đạt	GV dạy Mỹ thuật	TH	Nguyễn Thái Học
97	Q01_29	Ngô Minh Phụng	17/10/1995		ĐHSG	Giáo dục Tiểu học	VLVH	B	A		79,80	79,80	186	345,6	1	Đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Nguyễn Thái Học
98	Q01_39	Lê Nguyễn Thanh Chi	20/12/1995	Nữ	ĐHSG	Giáo dục Tiểu học	VLVH	B	A		80,30	80,30	176	336,6	2	Đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Nguyễn Thái Học
99	Q01_182	Nguyễn Thanh Nhân	05/01/1994	Nữ	ĐH Đồng Thá	Giáo dục Tiểu học	C Quy	B1	B		79,60	79,60	172	331,2	3	Đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Nguyễn Thái Học
100	Q01_26	Nguyễn Thị Thùy Dương	08/05/1995	Nữ	ĐHSP	Giáo dục Tiểu học	C Quy	B2	TTCB		75,30	75,30	178	328,6	4	Đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Nguyễn Thái Học
101	Q01_65	Trần Khánh Ngọc	02/08/1995	Nữ	ĐHSG	Giáo dục Tiểu học	VLVH	B2	B		81,00	81,00	156	318	5	Đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Nguyễn Thái Học
102	Q01_62	Vương Quốc Tuấn Thi	06/12/1995		ĐHSG	Giáo dục Tiểu học	C Quy	B	A		70,40	70,40	176	316,8	6	Đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Nguyễn Thái Học
103	Q01_105	Phạm Trúc Quỳnh	06/05/1995	Nữ	ĐHSG	Giáo dục Tiểu học	C Quy	B	A		79,10	79,10	156	314,2	7	Không đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Nguyễn Thái Học
104	Q01_08	Nguyễn Thị Hồng Nhung	26/09/1995	Nữ	CĐSG	Giáo dục Tiểu học	C Quy	B	A		77,00	77,00	154	308	8	Không đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Nguyễn Thái Học
105	Q01_139	Trần Mai Ái Thanh	22/11/1994	Nữ	ĐHSG	Giáo dục Tiểu học	VLVH	A2	B		72,30	72,30	164	308,6	1	Đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Phan Văn Trị
106	Q01_113	Nguyễn Thị Minh Tâm	02/12/1995	Nữ	ĐHSG	Giáo dục Tiểu học	C Quy	B	A		77,20	77,20	138	292,4	2	Đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Phan Văn Trị
107	Q01_140	Mai Nguyễn Uyên Nhi	20/10/1995	Nữ	ĐHSG	Giáo dục Tiểu học	VLVH	A2	B		70,80	70,80	138	279,6	3	Đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Phan Văn Trị
108	Q01_134	Lê Thị Kiều Nhi	10/11/1993	Nữ	ĐHSG	Giáo dục Tiểu học	C Quy	B	A		74,00	74,00	128	276	4	Đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Phan Văn Trị
109	Q01_150	Nguyễn Ngọc Hiền	27/07/1986		ĐHSP	Giáo dục Tiểu học	C Quy	B	A		66,40	66,40	94	226,8	5	Không đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Phan Văn Trị
110	Q01_17	Phạm Văn Tiến	15/05/1990		ĐH Huế	SP Giáo dục Thể chất	C Quy	B	B		66,40	50,00	98	214,4	1	Không đạt	GV dạy Thể dục	TH	Phan Văn Trị
111	Q01_49	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	06/10/1995	Nữ	ĐHSG	Giáo dục Tiểu học	C Quy	B	A		83,10	83,10	164	330,2	1	Đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Trần Hưng Đạo
112	Q01_64	Nguyễn Thị Bảo Vy	31/01/1995	Nữ	ĐHSP	Giáo dục Tiểu học	C Quy	B2	TTCB		80,60	80,60	122	283,2	2	Đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Trần Hưng Đạo
113	Q01_188	Dương Từ Trung	01/06/1983		ĐHSP	Giáo dục Tiểu học	VLVH	B	A		64,70	50,00	116	230,7	3	Không đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Trần Hưng Đạo
114	Q01_158	Nguyễn Khánh Tường Linh	13/12/1995	Nữ	ĐHSG	Giáo dục Tiểu học	C Quy	B	A		82,20	82,20	168	332,4	1	Đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Trần Khánh Dư
115	Q01_157	Đỗ Thị Thu	08/02/1995	Nữ	ĐHSG	Giáo dục Tiểu học	C Quy	B	A		81,10	81,10	98	260,2	2	Không đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Trần Khánh Dư
116	Q01_130	Huỳnh Thảo Vy	15/04/1995	Nữ	ĐHSG	Giáo dục Tiểu học	VLVH	B	A		73,50	73,50	98	245	3	Không đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Trần Khánh Dư
117	Q01_198	Bùi Thị Vân	18/08/1987	Nữ	CĐSP Bình P	Giáo dục Tiểu học	VLVH	B	B		69,40	75,00	98	242,4	4	Không đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Trần Khánh Dư
118	Q01_78	Dương Nguyễn Thu Nga	12/06/1995	Nữ	ĐHSG	Giáo dục Tiểu học	C Quy	B	A		79,70	79,70	0	159,4	Vắng	Không đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Trần Khánh Dư
119	Q01_03	Trần Ngọc Phụng	14/07/1994	Nữ	ĐHSG	Giáo dục Tiểu học	C Quy	B	A		77,80	77,80	152	307,6	1	Đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Trần Quang Khải
120	Q01_38	Nguyễn Thị Hiệp	06/08/1988	Nữ	ĐHSP	Giáo dục Tiểu học	C Quy	B	A		67,40	67,40	150	284,8	2	Đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Trần Quang Khải
121	Q01_100	Vương Thị Ngọc Giàu	25/08/1992	Nữ	ĐHSP	Giáo dục Tiểu học	VLVH	A2	TTCB		64,60	50,00	146	260,6	3	Đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Trần Quang Khải
122	Q01_23	Nguyễn Duy Hưng	25/09/1980		CĐSP Nghệ A	Sư phạm Tiểu học	VLVH	B	B		61,00	65,00	120	246	4	Không đạt	GV dạy nhiều môn	TH	Trần Quang Khải
123	Q01_51	Cao Thị Nhung	13/07/1982	Nữ	ĐHNN ĐN	Cử nhân tiếng Anh	C Quy	ĐH TP	B	NVSP	73,40	65,00	134	272,4	1	Đạt	GV dạy Tiếng Anh	TH	Trần Quang Khải
124	Q01_84	Nguyễn Ngọc Vân	14/11/1976	Nữ	TC VHNT	Trung cấp Thư Viện	VLVH	B	B		83,00	80,00	140	303	1	Đạt	Nhân viên Thư viện	TH	Trần Quang Khải
125	Q01_111	Dương Thị Thu	30/08/1991	Nữ	ĐHSP	Sư phạm Lịch sử	C Quy	B	B		88,50	88,50	132	309	1	Đạt	GV dạy Lịch sử	THCS	Chu Văn An
126	Q01_144	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	27/02/1989	Nữ	Thạc sĩ	Lịch sử Việt Nam	C Quy	B1	B		82,10	95,00	100	277,1	2	Không đạt	GV dạy Lịch sử	THCS	Chu Văn An

Số TT	Mã số	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Hệ đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Điểm học tập (Hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp (Hệ số 1)	Điểm sát hạch (Hệ số 2)	Tổng cộng = (1)+(2) +(3)	Xếp hạng	Kết quả trúng tuyển	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển		
																	Vị trí đăng ký dự tuyển	Bậc học	Đơn vị đăng ký
127	Q01_85	Lê Thị Hà Giang	03/07/1996	Nữ	ĐHSP	Sư phạm Ngữ văn	C Quy	B	A		75,80	75,80	120	271,6	1	Đạt	GV dạy Ngữ văn	THCS	Chu Văn An
128	Q01_168	Bùi Thị Thảo	22/04/1993	Nữ	ĐHSP	Sư phạm Ngữ văn	C Quy	B	A		71,30	71,30	100	242,6	2	Không đạt	GV dạy Ngữ văn	THCS	Chu Văn An
129	Q01_181	Lê Thị Lành	04/03/1990	Nữ	ĐHSG	Sư phạm Ngữ văn	C Quy	B	TTCB		72,10	72,10	0	144,2	Vắng	Không đạt	GV dạy Ngữ văn	THCS	Chu Văn An
130	Q01_101	Huỳnh Lê Thanh Tuyền	17/03/1994	Nữ	ĐHSP	Sư phạm Sinh học	C Quy	B	TTCB		69,40	69,40	140	278,8	1	Đạt	GV dạy Sinh học	THCS	Chu Văn An
131	Q01_63	Trang Anh Kiệt	09/06/1995		CĐSP TW	Sư phạm Tiếng Anh	C Quy	B2	B	T.Pháp B	73,40	73,40	172	318,8	1	Đạt	GV dạy tiếng Anh	THCS	Chu Văn An
132	Q01_60	Phan Thị Kim Ngọc	29/10/1995	Nữ	ĐHSG	Sư phạm Tiếng Anh	C Quy	B1	A	T.Trung A	74,20	74,20	98	246,4	2	Không đạt	GV dạy tiếng Anh	THCS	Chu Văn An
133	Q01_108	Nguyễn Thị Bích Hoa	11/04/1989	Nữ	ĐHSG	Sư phạm Tiếng Anh	VLVH	T.Pháp B	A		68,00	68,00	90	226	3	Không đạt	GV dạy tiếng Anh	THCS	Chu Văn An
134	Q01_126	Nguyễn Trần Hoàng Sơn	13/07/1994		ĐHSG	Sư phạm Tiếng Anh	C Quy	B2	A	T.Pháp A	69,50	69,50	128	267	1	Đạt	GV dạy tiếng Anh TC	THCS	Chu Văn An
135	Q01_117	Hoàng Thị Trang	20/08/1991	Nữ	ĐHNN	Sư phạm Tiếng Anh	VLVH	B2	B	T.Trung B	74,10	85,00	88	247,1	2	Không đạt	GV dạy tiếng Anh TC	THCS	Chu Văn An
136	Q01_56	Nguyễn Thị Minh Hiệp	19/05/1975	Nữ	C KTKT HN	Hành chính Văn thư	C Quy	B	A		83,00	81,00	100	264	1	Đạt	Nhân viên Văn thư	THCS	Chu Văn An
137	Q01_35	Trương Thị Thanh Tâm	31/05/1996	Nữ	CDSG	Sư phạm Địa lý	C Quy	B	A		74,90	74,90	108	257,8	1	Đạt	GV dạy Địa lý	THCS	Đồng Khởi
138	Q01_135	Nguyễn Thị Huyền	10/06/1979	Nữ	CĐSP ĐN	CĐSP Địa - Sinh	C Quy	B	B		57,10	57,10	100	214,2	2	Đạt	GV dạy Địa lý	THCS	Đồng Khởi
139	Q01_184	Trần Thị Luyến	24/04/1993	Nữ	CĐ VHNT	Khoa học Thư viện	C Quy	B	A		68,80	60,00	110	238,8	1	Đạt	Nhân viên Thư viện	THCS	Đồng Khởi
140	Q01_193	Bùi Như Quỳnh	25/09/1991	Nữ	Thạc sĩ	Sinh thái học	C Quy	B1	B	NVSP	71,50	87,00	142	300,5	1	Đạt	GV dạy Sinh học	THCS	Đức Trí
141	Q01_99	Đỗ Thị Kim Giàu	29/09/1990	Nữ	Thạc sĩ	LL&PPDH bộ môn Toán		B1	B		80,00	86,00	146	312	1	Đạt	GV dạy Toán	THCS	Đức Trí
142	Q01_155	Nguyễn Thị Ánh Việt	03/07/1991	Nữ	CĐ QNam	Sư phạm Toán	C Quy	B	B		71,60	71,60	0,00	143,2	Vắng	Không đạt	GV dạy Toán	THCS	Đức Trí
143	Q01_173	Huỳnh Bá Trung	02/06/1990		ĐHSP	Giáo dục Chính trị	C Quy	B	TTCB		76,30	76,30	110	262,6	1	Đạt	GV dạy GDCD	THCS	Huỳnh Khương Ninh
144	Q01_176	Tăng Bảo Văn	11/04/1992	Nữ	CĐSP TW	Giáo dục công dân	C Quy	B	TTCB		67,50	67,50	100	235	2	Không đạt	GV dạy GDCD	THCS	Huỳnh Khương Ninh
145	Q01_132	Trương Thị Ngọc Tường	01/06/1992	Nữ	ĐHSG	Sư phạm Lịch sử	VLVH	B	A		78,70	78,70	112	269,4	1	Đạt	GV dạy Lịch sử	THCS	Huỳnh Khương Ninh
146	Q01_180	Ngô Mai Kiên	05/06/1989	Nữ	ĐH KHXH NV	Lịch sử	C Quy	B	B	NVSP	76,50	76,50	100	253	2	Không đạt	GV dạy Lịch sử	THCS	Huỳnh Khương Ninh
147	Q01_196	Nguyễn Thị Văn Anh	01/04/1995	Nữ	ĐSP Thái Bình	Sư phạm Ngữ văn	C Quy	B	B		70,70	70,70	136	277,4	1	Đạt	GV dạy Ngữ văn	THCS	Huỳnh Khương Ninh
148	Q01_191	Ngô Hoàn Toàn	22/09/1992		ĐHSG	Sư phạm Ngữ văn	C Quy	B	A		83,70	83,70	108	275,4	2	Không đạt	GV dạy Ngữ văn	THCS	Huỳnh Khương Ninh
149	Q01_106	Đào Minh Kha	20/07/1992		ĐHSP	Ngữ văn	C Quy	B	B	NVSP	70,25	70,25	110	250,5	3	Không đạt	GV dạy Ngữ văn	THCS	Huỳnh Khương Ninh
150	Q01_98	Trần Thị Hằng	22/10/1991	Nữ	Thạc sĩ	Sinh học thực nghiệm	CQ TT	B1	TTCB		73,60	96,00	158	327,6	1	Đạt	GV dạy Sinh học	THCS	Huỳnh Khương Ninh
151	Q01_194	Nguyễn Thị Lan	10/05/1991	Nữ	ĐH Hồng Đức	Sư phạm Toán học	C Quy	A2	TTCB		75,80	75,80	144	295,6	1	Đạt	GV dạy Toán	THCS	Huỳnh Khương Ninh
152	Q01_160	Phạm Ngọc Liễu	27/03/1993	Nữ	CDSG	Sư phạm Toán học	C Quy	B	A		74,20	74,20	126	274,4	2	Không đạt	GV dạy Toán	THCS	Huỳnh Khương Ninh
153	Q01_34	Nguyễn Thị Huệ	09/09/1988	Nữ	ĐHSP HN	Sư phạm Toán	C Quy	B	B		68,10	75,00	0	143,1	Vắng	Không đạt	GV dạy Toán	THCS	Huỳnh Khương Ninh
154	Q01_22	Phạm Thị Cẩm Vân	10/11/1995	Nữ	ĐHSP	Sư phạm Vật Lý	C Quy	A2	A		83,90	83,90	186	353,8	1	Đạt	GV dạy Vật lý	THCS	Huỳnh Khương Ninh
155	Q01_16	Trần Huỳnh Quang Hiệp	21/05/1982		Thạc sĩ	LL&PPDH bộ môn Vật lý		ĐH	CĐ		80,00	98,00	166	344	2	Không đạt	GV dạy Vật lý	THCS	Huỳnh Khương Ninh
156	Q01_197	Mai Thị Dung	06/12/1989	Nữ	Thạc sĩ	Quang học		B1	B	NVSP	77,00	88,00	148	313	3	Không đạt	GV dạy Vật lý	THCS	Huỳnh Khương Ninh
157	Q01_07	Trịnh Kim Ngọc	04/02/1985	Nữ	ĐH Cần Thơ	SP Vật lý - Tin học	C Quy	B	A		76,25	76,25	152	304,5	4	Không đạt	GV dạy Vật lý	THCS	Huỳnh Khương Ninh
158	Q01_55	Đỗ Thị Hải Yến	14/06/1992	Nữ	ĐHHP	Sư phạm Vật Lý	C Quy	B	B		78,75	78,75	144	301,5	5	Không đạt	GV dạy Vật lý	THCS	Huỳnh Khương Ninh
159	Q01_204	Huỳnh Nguyễn Mỹ Tiên	19/10/1985	Nữ	CĐ VHNT	Sư phạm Âm nhạc	C Quy	B	A		68,70	73,30	140	282	1	Đạt	GV dạy Âm nhạc	THCS	Minh Đức

Số TT	Mã số	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Hệ đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Điểm học tập (Hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp (Hệ số 1)	Điểm sát hạch (Hệ số 2)	Tổng cộng = (1)+(2)+(3)	Xếp hạng	Kết quả trúng tuyển	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển		
																	Vị trí đăng ký dự tuyển	Bậc học	Đơn vị đăng ký
160	Q01_58	Dương Thị Yến Nhi	03/07/1993	Nữ	CĐSG	SPKỹ thuật Công nghiệp	C Quy	B	A		67,40	67,40	140	274,8	1	Đạt	GV dạy KTCN	THCS	Minh Đức
161	Q01_141	Trần Thị Quỳnh Nga	12/11/1994	Nữ	CĐSG	SP Kinh tế Gia đình	C Quy	B	A		81,90	81,90	154	317,8	1	Đạt	GV dạy KTNC	THCS	Minh Đức
162	Q01_13	Mai Ngọc Bích Tuyền	19/05/1995	Nữ	CĐSG	SP Kinh tế Gia đình	C Quy	B	TTCB		74,70	74,70	148	297,4	2	Đạt	GV dạy KTNC	THCS	Minh Đức
163	Q01_14	Phạm Thị Hoài Thương	01/01/1989	Nữ	Thạc sĩ	LS Đảng cộng sản VN		B	B		77,50	65,00	146	288,5	1	Đạt	GV dạy Lịch sử	THCS	Minh Đức
164	Q01_166	Hoàng Thị Lan Hương	01/06/1991	Nữ	ĐH Vinh	Sư phạm Lịch sử	C Quy	B	B		80,40	80,40	116	276,8	2	Không đạt	GV dạy Lịch sử	THCS	Minh Đức
165	Q01_177	Phan Thị Hoài Trang	25/01/1994	Nữ	ĐH Vinh	Sư phạm Ngữ văn	C Quy	B1	B		83,90	83,90	120	287,8	1	Đạt	GV dạy Ngữ văn	THCS	Minh Đức
166	Q01_137	Trà Thị Thùy Trang	05/07/1995	Nữ	CĐSG	Sư phạm Ngữ văn	C Quy	B	A		75,20	75,20	104	254,4	2	Không đạt	GV dạy Ngữ văn	THCS	Minh Đức
167	Q01_205	Trần Thị Trang	16/06/1994	Nữ	ĐHSP	Sư phạm Sinh học	C Quy	B	B		71,80	71,80	146	289,6	1	Đạt	GV dạy Sinh học	THCS	Minh Đức
168	Q01_199	Nguyễn Thị Thanh Hương	31/12/1991	Nữ	Thạc sĩ	LL&PPDH bộ môn Toán	Tập trung	B1	B		72,90	85,00	166	323,9	1	Đạt	GV dạy Toán	THCS	Minh Đức
169	Q01_185	La Kim Loan	13/12/1995	Nữ	ĐHSG	Sư phạm Toán học	C Quy	B	A		81,10	81,10	154	316,2	2	Đạt	GV dạy Toán	THCS	Minh Đức
170	Q01_102	Trần Văn Quốc	20/02/1991		CĐSG	Sư phạm Toán	C Quy	B	A		78,00	78,00	160	316	3	Không đạt	GV dạy Toán	THCS	Minh Đức
171	Q01_142	Nguyễn Hồng Phúc	06/06/1996	Nữ	CĐSG	Sư phạm Toán học	C Quy	B	A		75,00	75,00	134	284	4	Không đạt	GV dạy Toán	THCS	Minh Đức
172	Q01_163	Nguyễn Kim Hùng	03/03/1985		CĐ Bình Định	Sư phạm Toán - Tin	C Quy	B	A		88,60	86,70	106	281,3	5	Không đạt	GV dạy Toán	THCS	Minh Đức
173	Q01_18	Đoàn Thị Chinh	26/03/1991	Nữ	Thạc sĩ	Đại số và lý thuyết số	CQ TT	Toeic 500	B	T. Anh B	75,60	88,00	112	275,6	6	Không đạt	GV dạy Toán	THCS	Minh Đức
174	Q01_187	Nguyễn Thị Thanh Hòa	02/07/1989	Nữ	ĐHSP Huế	Sư phạm Toán học	C Quy	B	A		67,30	73,30	114	254,6	7	Không đạt	GV dạy Toán	THCS	Minh Đức
175	Q01_186	Trần Ngọc Phước Hải	28/10/1992		CĐSG	Sư phạm Toán học	C Quy	B	A		65,10	65,10	112	242,2	8	Không đạt	GV dạy Toán	THCS	Minh Đức
176	Q01_30	Hoàng Khánh Huy	10/10/1992		ĐHKH TNhiệt	Toán/Tin học	C Quy	C	B	NVSP	61,60	61,60	26	149,2	9	Không đạt	GV dạy Toán	THCS	Minh Đức
177	Q01_69	Nguyễn Nhật Minh	19/08/1995		ĐHSPTDTT	Giáo dục Thể chất	C Quy	B	TTNC		86,90	86,90	118	291,8	1	Đạt	GV dạy Thể dục	THCS	Nguyễn Du
178	Q01_133	Trương Thụy Xuân Duyên	21/12/1985	Nữ	ĐH TDTT	Giáo dục Thể chất	VLVH	B	A	NVSP	76,00	95,00	120	291	2	Không đạt	GV dạy Thể dục	THCS	Nguyễn Du
179	Q01_15	Nguyễn Anh Tuấn	24/05/1994		CĐSG	Sư phạm Toán	C Quy	B	A		75,30	75,30	168	318,6	1	Đạt	GV dạy Toán	THCS	Nguyễn Du
180	Q01_200	Phạm Nhơn Quý	02/10/1989		Thạc sĩ	Toán giải tích	Tập trung	B1	A		63,30	90,00	152	305,3	2	Không đạt	GV dạy Toán	THCS	Nguyễn Du
181	Q01_46	Nguyễn Thị Như Khiêm	14/02/1984	Nữ	TCVTLTTW	Văn thư Lưu trữ	VLVH	B	TTCB		73,00	78,00	100	251	1	Đạt	Nhân viên Văn thư	THCS	Nguyễn Du
182	Q01_50	Trương Thị Mỹ Trinh	10/02/1991	Nữ	ĐHSP	Sư phạm Địa lý	C Quy	B	A		67,30	70,00	134	271,3	1	Đạt	GV dạy Địa lý	THCS	Trần Văn Ôn
183	Q01_96	Nguyễn Thị Hoài Hiệp	02/04/1994	Nữ	CĐSG	Sư phạm Địa lý	C Quy	B	A		71,50	71,50	122	265	2	Không đạt	GV dạy Địa lý	THCS	Trần Văn Ôn
184	Q01_66	Huỳnh Đan Thanh	19/11/1994	Nữ	CĐSG	SPKỹ thuật Công nghiệp	C Quy	B	A		64,10	64,10	132	260,2	1	Đạt	GV dạy KTCN	THCS	Trần Văn Ôn
185	Q01_19	Trần Văn Hậu	16/02/1993		CĐSG	SPKỹ thuật Công nghiệp	C Quy	B	A		67,80	67,80	116	251,6	2	Không đạt	GV dạy KTCN	THCS	Trần Văn Ôn
186	Q01_97	Nguyễn Đức Uy	10/10/1987		Thạc sĩ	Văn học Việt Nam		B1	B		79,30	90,00	136	305,3	1	Đạt	GV dạy Ngữ văn	THCS	Trần Văn Ôn
187	Q01_06	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	19/12/1990	Nữ	Thạc sĩ	Văn học Việt Nam		B1	A	NVSP	75,10	83,00	146	304,1	2	Đạt	GV dạy Ngữ văn	THCS	Trần Văn Ôn
188	Q01_73	Nguyễn Thị Quỳnh	09/04/1991	Nữ	Thạc sĩ	Văn học nước ngoài	CQ TT	B1	B	NVSP	75,20	90,00	138	303,2	3	Đạt	GV dạy Ngữ văn	THCS	Trần Văn Ôn
189	Q01_164	Nguyễn Thanh Huy	23/10/1992		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Toeic 495	A	T. Anh B	78,00	95,00	128	301	4	Không đạt	GV dạy Ngữ văn	THCS	Trần Văn Ôn
190	Q01_206	Đặng Thị Hồng Mai	19/02/1992	Nữ	Thạc sĩ	Lí luận Văn học	C Quy	B1	A		79,00	87,00	114	280	5	Không đạt	GV dạy Ngữ văn	THCS	Trần Văn Ôn
191	Q01_86	Tô Thị Nga	26/11/1992	Nữ	ĐH Tây Ng	Văn học	C Quy	B	B	NVSP	77,10	77,10	112	266,2	6	Không đạt	GV dạy Ngữ văn	THCS	Trần Văn Ôn
192	Q01_201	Trần Thị Yến	22/10/1987	Nữ	CD Cần Thơ	Sư phạm Văn - Sử	C Quy	B	A		71,30	67,50	110	248,8	7	Không đạt	GV dạy Ngữ văn	THCS	Trần Văn Ôn

Số TT	Mã số	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Hệ đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác	Điểm học tập (Hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp (Hệ số 1)	Điểm sát hạch (Hệ số 2)	Tổng cộng = (1)+(2)+(3)	Xếp hạng	Kết quả trúng tuyển	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển		
																	Vị trí đăng ký dự tuyển	Bậc học	Đơn vị đăng ký
193	Q01_165	Hoàng Thảo Thanh Tú	10/12/1992	Nữ	ĐHSG	Sư phạm Sinh học	C Quy	B	A		74,00	74,00	144	292	1	Đạt	GV dạy Sinh học	THCS	Trần Văn Ôn
194	Q01_149	Trần Văn Hương	23/06/1993		ĐH TDTT	Giáo dục Thể chất	C Quy	B	TTCB		69,80	69,80	106	245,6	1	Đạt	GV dạy Thể dục	THCS	Trần Văn Ôn
195	Q01_202	Trình Thị Hồng Sang	05/08/1993	Nữ	ĐH TDTT	Giáo dục Thể chất	C Quy	BI	A		80,00	80,00	0	160	Vắng	Không đạt	GV dạy Thể dục	THCS	Trần Văn Ôn
196	Q01_154	Nguyễn Thị Kim Đào	19/05/1994	Nữ	ĐHSP	Ngôn ngữ Anh thương mại	C Quy	Toeic 870	TTCB	Trung A	70,60	70,60	160	301,2	1	Đạt	GV dạy tiếng Anh TC	THCS	Trần Văn Ôn
197	Q01_129	Lê Trần Lộc	30/06/1985		ĐH KTCN	Hệ thống thông tin	C Quy	B			69,60	69,60	158	297,2	1	Đạt	GV dạy Tin học	THCS	Trần Văn Ôn
198	Q01_83	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	06/02/1993	Nữ	ĐHSP	Sư phạm Địa lý	C Quy	B	TTCB		71,60	71,60	134	277,2	1	Đạt	GV dạy Địa lý	THCS	Văn Lang
199	Q01_67	Nguyễn Thanh Tùng	26/08/1996		CĐSG	Sư phạm Địa lý	C Quy	B	A		78,70	78,70	112	269,4	2	Không đạt	GV dạy Địa lý	THCS	Văn Lang
200	Q01_20	Trần Thị Châu Nhi	25/10/1995	Nữ	CĐSG	SP Kỹ thuật Nông nghiệp	C Quy	B	A		66,90	66,90	156	289,8	1	Đạt	GV dạy KTN	THCS	Văn Lang
201	Q01_112	Nguyễn Minh Phương	19/10/1995	Nữ	CĐSG	SP Kỹ thuật Nông nghiệp	C Quy	B	A		72,60	72,60	138	283,2	2	Không đạt	GV dạy KTN	THCS	Văn Lang
202	Q01_77	Võ Thiên Hóa	02/09/1985	Nữ	ĐHSP Huế	Sư phạm Lịch sử	C tu	B	A		74,60	76,67	112	263,27	1	Đạt	GV dạy Lịch sử	THCS	Văn Lang
203	Q01_172	Lưu Thị Thu	03/12/1992	Nữ	ĐHSG	Sư phạm Lịch sử	VLVH	B	B		74,60	74,60	100	249,2	2	Không đạt	GV dạy Lịch sử	THCS	Văn Lang
204	Q01_93	Ngô Công Hòa	20/07/1972		ĐHSP	Công nghệ thông tin	VLVH	B	B		70,60	70,00	174	314,6	1	Đạt	GV dạy Tin học	THCS	Văn Lang
205	Q01_171	Nguyễn Văn Hoàng	12/07/1991		CĐSG	SP Kỹ thuật Công nghiệp	C Quy	B	A		71,80	71,80	154	297,6	1	Đạt	GV dạy KTCN	THCS	Võ Trường Toàn
206	Q01_170	Vũ Thị Hạnh Duyên	17/11/1980	Nữ	CĐSP HP	Sư phạm Hóa học	Tại chức	B	B		63,50	65,00	150	278,5	1	Đạt	GV dạy Sinh học	THCS	Võ Trường Toàn